

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2103/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2016***QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Tư pháp được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 31/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2031/TTr-STP ngày 01 tháng 4 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 237 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp được chuẩn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh.

Danh mục và Nội dung chi tiết của thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố công bố trước đây.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực Lý lịch Tư pháp	
1	Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1, số 2 cho cá nhân
2	Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội
3	Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng
II. Lĩnh vực Hộ tịch	
1	Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi của người nước ngoài thường trú tại Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi
2	Thủ tục Đăng ký lại việc nhận nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài
III. Lĩnh vực Quốc tịch	
1	Thủ tục Nhập quốc tịch Việt Nam
2	Thủ tục Thôi quốc tịch Việt Nam
3	Thủ tục Trở lại quốc tịch Việt Nam
4	Thủ tục Xác nhận có quốc tịch Việt Nam
5	Thủ tục Xác nhận là người gốc Việt Nam
6	Thủ tục Thông báo có quốc tịch nước ngoài
7	Thủ tục Ghi chú vào sổ khai sinh việc thông báo có quốc tịch nước ngoài
8	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của người được nhập quốc tịch Việt Nam
9	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của người được trở lại quốc tịch Việt Nam
10	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc thôi quốc tịch Việt Nam
IV. Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý	
1	Thủ tục Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý

STT	Tên thủ tục hành chính
2	Thủ tục Thay đổi nội dung giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
3	Thủ tục Chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý
V. Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật	
1	Thủ tục Công nhận báo cáo viên pháp luật Thành phố
2	Thủ tục Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật Thành phố
VI. Lĩnh vực Luật sư	
1	Thủ tục Đăng ký hoạt động tổ chức hành nghề luật sư
2	Thủ tục Đăng ký hoạt động chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư
3	Thủ tục Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân
4	Thủ tục Thành lập văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư
5	Thủ tục Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân
6	Thủ tục Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh
7	Thủ tục Thay đổi người đại diện theo pháp luật của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên
8	Thủ tục Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật
9	Thủ tục Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh
10	Thủ tục Hợp nhất công ty luật
11	Thủ tục Sáp nhập công ty luật
12	Thủ tục Đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam
13	Thủ tục Đăng ký hoạt động chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam
14	Thủ tục Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài
15	Thủ tục Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài
16	Thủ tục Cấp lại Giấy Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài (do bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý)
17	Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề luật sư trường hợp phải qua tập sự

STT	Tên thủ tục hành chính
18	Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề luật sư trường hợp không phải qua tập sự
VII. Lĩnh vực Thừa phát lại	
1	Thủ tục Thành lập văn phòng Thừa phát lại
2	Thủ tục Đăng ký hoạt động văn phòng Thừa phát lại
3	Thủ tục Bổ nhiệm Thừa phát lại
4	Thủ tục Cấp Thẻ Thừa phát lại
5	Thủ tục Cấp lại Thẻ Thừa phát lại
VIII. Lĩnh vực Giám định Tư pháp	
1	Thủ tục Thành lập Văn phòng Giám định Tư pháp
2	Thủ tục Đăng ký hoạt động Văn phòng Giám định Tư pháp
3	Thủ tục Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Giám định Tư pháp
4	Thủ tục Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng Giám định Tư pháp
5	Thủ tục Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng Giám định Tư pháp
6	Thủ tục Đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng Giám định Tư pháp
7	Thủ tục Chuyển đổi loại hình Văn phòng Giám định Tư pháp
8	Thủ tục Đăng ký chuyển đổi loại hình Văn phòng Giám định Tư pháp
IX. Lĩnh vực Trọng tài Thương mại	
1	Thủ tục Đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài
2	Thủ tục Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài
3	Thủ tục Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
4	Thủ tục Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
5	Thủ tục Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
X. Lĩnh vực Công chứng	

STT	Tên thủ tục hành chính
1	Thủ tục Đăng ký tập sự hành nghề Công chứng
2	Thủ tục Thay đổi nơi tập sự hành nghề Công chứng
3	Thủ tục Thay đổi Công chứng viên hướng dẫn tập sự
4	Thủ tục Chấm dứt tập sự hành nghề Công chứng
5	Thủ tục Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề Công chứng
6	Thủ tục Bổ nhiệm Công chứng viên
7	Thủ tục Bổ nhiệm lại Công chứng viên
8	Thủ tục Hợp nhất Văn phòng Công chứng
9	Thủ tục Sáp nhập Văn phòng Công chứng
10	Thủ tục Chuyển nhượng Văn phòng Công chứng
11	Thủ tục Chuyển đổi Văn phòng Công chứng do một Công chứng viên thành lập
12	Thủ tục Miễn nhiệm Công chứng viên
13	Thủ tục Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng
14	Thủ tục Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng
15	Thủ tục Cấp lại thẻ công chứng viên
XI. Lĩnh vực Tư vấn pháp luật	
1	Thủ tục Đăng ký hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật
2	Thủ tục Đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật
3	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật
4	Thủ tục Cấp lại Thẻ tư vấn viên pháp luật
XII. Lĩnh vực Đấu giá tài sản	
1	Thủ tục Đăng ký danh sách đấu giá viên, thay đổi, bổ sung danh sách đấu giá viên
XIII. Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	
1	Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân
2	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
3	Thủ tục Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

STT	Tên thủ tục hành chính
4	Thủ tục Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của Quản tài viên
5	Thủ tục Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan khác tại Thành phố

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý	
1	Thủ tục Yêu cầu trợ giúp pháp lý
2	Thủ tục Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý
3	Thủ tục Công nhận, cấp Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý
4	Thủ tục Cấp lại Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý
5	Thủ tục Thu hồi Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý
6	Thủ tục Đề nghị thanh toán chi phí thực hiện việc trợ giúp pháp lý
II. Lĩnh vực Đăng ký giao dịch bảo đảm	
1	Thủ tục Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai
2	Thủ tục Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai
3	Thủ tục Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời là người sử dụng đất
4	Thủ tục Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất
5	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký
6	Thủ tục Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp
7	Thủ tục Yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký
8	Thủ tục Xóa đăng ký thế chấp
9	Thủ tục Đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai lần đầu

STT	Tên thủ tục hành chính
10	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai
11	Thủ tục Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp là nhà ở hình thành trong tương lai
12	Thủ tục Yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của cơ quan đăng ký đối với nhà ở hình thành trong tương lai
13	Thủ tục Xóa đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai
14	Thủ tục Chuyển tiếp đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai
15	Thủ tục Cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
III. Lĩnh vực Công chứng	
1	Thủ tục Công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất
2	Thủ tục Công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất
3	Thủ tục Công chứng hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp
4	Thủ tục Công chứng hợp đồng mua bán nhà
5	Thủ tục Công chứng hợp đồng tặng cho nhà
6	Thủ tục Công chứng hợp đồng đổi nhà ở
7	Thủ tục Công chứng văn bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế
8	Thủ tục Công chứng văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà
9	Thủ tục Công chứng hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao.
10	Thủ tục Công chứng hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho thuê, cho thuê lại
11	Thủ tục Công chứng hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất
12	Thủ tục Công chứng hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất
13	Thủ tục Công chứng hợp đồng cho thuê nhà
14	Thủ tục Công chứng hợp đồng cho mượn nhà
15	Thủ tục Công chứng hợp đồng cho ở nhờ
16	Thủ tục Công chứng hợp đồng thế chấp tàu biển, tàu bay
17	Thủ tục Công chứng hợp đồng thế chấp nhà ở

STT	Tên thủ tục hành chính
18	Thủ tục Công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sử dụng đất của người khác
19	Thủ tục Công chứng hợp đồng thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai (trong các dự án nhà ở thương mại).
20	Thủ tục Công chứng hợp đồng thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai không phải là nhà ở trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở
21	Thủ tục Công chứng hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng
22	Thủ tục Công chứng hợp đồng bảo lãnh
23	Thủ tục Công chứng hợp đồng cầm cố tài sản
24	Thủ tục Công chứng hợp đồng góp vốn
25	Thủ tục Công chứng hợp đồng hợp tác kinh doanh
26	Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng
27	Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng
28	Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng
29	Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận chấm dứt hiệu lực của việc chia tài sản chung của vợ chồng
30	Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn
31	Thủ tục Công chứng hợp đồng ủy quyền của vợ, chồng cho nhau về việc mang thai và nhờ mang thai hộ
32	Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận mang thai vì mục đích nhân đạo
33	Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận về việc cấp dưỡng
34	Thủ tục Công chứng di chúc
35	Thủ tục Công chứng sửa đổi, bổ sung di chúc
36	Thủ tục Nhận lưu giữ di chúc
37	Thủ tục Công chứng hủy bỏ di chúc
38	Thủ tục Công chứng văn bản từ chối nhận di sản
39	Thủ tục Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản
40	Thủ tục Công chứng văn bản khai nhận di sản

STT	Tên thủ tục hành chính
41	Thủ tục Công chứng hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá
42	Thủ tục Công chứng hợp đồng mua bán tài sản
43	Thủ tục Công chứng hợp đồng mượn tài sản
44	Thủ tục Công chứng hợp đồng thuê tài sản
45	Thủ tục Công chứng hợp đồng thế chấp tài sản
46	Thủ tục Công chứng hợp đồng đặt cọc
47	Thủ tục Công chứng hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp
48	Thủ tục Công chứng hợp đồng ủy quyền quản lý nhà ở
49	Thủ tục Công chứng hợp đồng ủy quyền
50	Thủ tục Công chứng bản dịch
51	Thủ tục Cấp bản sao văn bản công chứng
52	Thủ tục Công chứng hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng, giao dịch
53	Thủ tục Công chứng văn bản hủy bỏ hợp đồng giao dịch
54	Thủ tục Công chứng văn bản chấm dứt hợp đồng giao dịch
IV. Lĩnh vực Chứng thực	
1	Thủ tục Cấp bản sao từ sổ gốc
2	Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
3	Thủ tục Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (thủ tục này cũng được áp dụng trong trường hợp chứng thực điếm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điếm chỉ được)
V. Lĩnh vực trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính	
1	Thủ tục Giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường
2	Thủ tục Cấp và chi trả tiền bồi thường
3	Thủ tục Trả lại tài sản

C. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân quận, huyện

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực Hộ tịch	
1	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài
2	Thủ tục Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài
3	Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài
4	Thủ tục Đăng ký việc nhận, cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
5	Thủ tục Đăng ký giám hộ cử có yếu tố nước ngoài
6	Thủ tục Đăng ký giám hộ đương nhiên có yếu tố nước ngoài
7	Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài
8	Thủ tục Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài
9	Thủ tục Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài
10	Thủ tục Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài
11	Thủ tục Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc
12	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
13	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc khai tử đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
14	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
15	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
16	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
17	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
18	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
19	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
II. Lĩnh vực Chứng thực	
1	Thủ tục Cấp bản sao từ sổ gốc

STT	Tên thủ tục hành chính
2	Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
3	Thủ tục Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (thủ tục này cũng được áp dụng trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)
4	Thủ tục Chứng thực chữ ký người dịch là cộng tác viên của Phòng Tư pháp
5	Thủ tục Chứng thực chữ ký đối với người không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp
6	Thủ tục Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
7	Thủ tục Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
8	Thủ tục Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
III. Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở	
1	Thủ tục Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải
IV. Lĩnh vực Phổ biến giáo dục, pháp luật	
1	Thủ tục Công nhận báo cáo viên pháp luật
2	Thủ tục Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật
V. Lĩnh vực trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính	
1	Thủ tục Giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường
2	Thủ tục Cấp và chi trả tiền bồi thường
3	Thủ tục Trả lại tài sản

D. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân phường, xã-thị trấn

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực Hộ tịch	
1	Thủ tục Đăng ký khai sinh

STT	Tên thủ tục hành chính
2	Thủ tục Đăng ký khai tử
3	Thủ tục Đăng ký kết hôn
4	Thủ tục Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con
5	Thủ tục Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc
6	Thủ tục Đăng ký việc giám hộ cư
7	Thủ tục Đăng ký việc giám hộ đương nhiên
8	Thủ tục Đăng ký chấm dứt việc giám hộ
9	Thủ tục Đăng ký lại khai sinh
10	Thủ tục Đăng ký lại khai tử
11	Thủ tục Đăng ký lại kết hôn
12	Thủ tục Đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi
13	Thủ tục Đăng ký khai sinh cho trẻ em chưa xác định được cha, mẹ
14	Thủ tục Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ
15	Thủ tục Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
16	Thủ tục Đăng ký khai sinh lưu động
17	Thủ tục Đăng ký khai tử lưu động
18	Thủ tục Đăng ký kết hôn lưu động
19	Thủ tục Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
20	Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước
21	Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước
II. Lĩnh vực Chứng thực	
1	Thủ tục Cấp bản sao từ sổ gốc
2	Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
3	Thủ tục Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (thủ tục này cũng được áp dụng trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)
4	Thủ tục Chứng thực chữ ký Giấy bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng (áp dụng cả trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)

STT	Tên thủ tục hành chính
5	Thủ tục Chứng thực chữ ký Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân (áp dụng cả trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)
6	Thủ tục Chứng thực chữ ký Giấy lĩnh thay lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng bằng tiền mặt (áp dụng cả trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)
7	Thủ tục Chứng thực chữ ký Giấy ủy quyền về việc đứng tên kê khai hưởng chính sách theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (áp dụng cả trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)
8	Thủ tục Chứng thực di chúc
9	Thủ tục Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản là động sản
10	Thủ tục Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
11	Thủ tục Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
12	Thủ tục Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
III. Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở	
1	Thủ tục Bầu hòa giải viên
2	Thủ tục Bầu tổ trưởng tổ hòa giải
3	Thủ tục Thôi làm hòa giải viên
4	Thủ tục Thanh toán thù lao cho hòa giải viên
IV. Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật	
1	Thủ tục Công nhận tuyên truyền viên
2	Thủ tục Cho thôi làm tuyên truyền viên
V. Lĩnh vực trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính	
1	Thủ tục Giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường
2	Thủ tục Cấp và chi trả tiền bồi thường

STT	Tên thủ tục hành chính
3	Thủ tục Trả lại tài sản

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP

I. Lĩnh vực Lý lịch Tư pháp

1. Thủ tục cấp Phiếu Lý lịch Tư pháp số 1, số 2 cho cá nhân

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Người yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch Tư pháp nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy (từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút) hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc đăng ký trực tuyến tại Trang thông tin điện tử: <https://ltptructuyen.moj.gov.vn>.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

* Trường hợp nộp trực tiếp:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

* Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc đăng ký cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến trên trang thông tin điện tử: Nhân viên bưu chính nhận hồ sơ của cá nhân và thu hộ lệ phí yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp, phí chuyên phát dịch vụ qua bưu chính. Nhân viên bưu chính chuyển giao hồ sơ kèm theo, lệ phí cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp để kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ và cấp biên nhận hồ sơ.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Tư pháp gửi Phiếu xác minh thông tin lý lịch tư pháp kèm theo 01 bộ hồ sơ đến các cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp từ chối, thì thông báo bằng văn bản, có nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Sau khi có kết quả xác minh từ các cơ quan có thẩm quyền, Sở Tư pháp sẽ thực hiện việc tra cứu, đối chiếu thông tin lý lịch tư pháp tại cơ sở dữ liệu của Sở Tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người có yêu cầu.

Trường hợp kết quả xác minh thông tin lý lịch tư pháp là có án tích hoặc có tiền sự hoặc thông tin chưa rõ ràng, Sở Tư pháp mời người có tên trong hồ sơ để bổ sung hồ sơ, làm rõ thông tin hoặc tiếp tục xác minh tại các cơ quan khác theo quy định.

- **Bước 5:** Cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Tư pháp hoặc nhận kết quả qua dịch vụ chuyển phát kết quả của dịch vụ bưu chính.

b) Cách thức thực hiện: Khi yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch Tư pháp, công dân Việt Nam thường trú hoặc tạm trú ở trong nước, công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài và người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam được quyền lựa chọn 01 trong 04 cách thức sau đây:

- Nộp hồ sơ yêu cầu và nhận Phiếu Lý lịch Tư pháp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp;

- Gửi hồ sơ yêu cầu và nhận Phiếu Lý lịch Tư pháp qua dịch vụ bưu chính;

- Nộp hồ sơ yêu cầu trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp và nhận Phiếu Lý lịch Tư pháp qua dịch vụ bưu chính;

- Gửi hồ sơ yêu cầu qua dịch vụ bưu chính và nhận Phiếu Lý lịch Tư pháp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ đối với trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 hoặc yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2:**

+ Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp (theo mẫu 03/2013/TT-LLTP).

Trường hợp cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 qua dịch vụ bưu chính và trực tuyến trên trang thông tin điện tử thì Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2, phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật về chứng thực. Việc chứng thực được thực hiện tại Tổ chức hành nghề công chứng (Phòng Công chứng hoặc Văn phòng Công chứng) hoặc chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn hoặc chứng thực tại Phòng Tư pháp quận, huyện của Việt Nam hoặc chứng thực tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài.

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đang còn giá trị sử dụng của người được cấp Phiếu Lý lịch Tư pháp.

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu Sổ hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận thường trú, giấy chứng nhận tạm trú, thẻ thường trú, thẻ tạm trú. Riêng giấy chứng nhận thường trú hoặc giấy chứng nhận tạm trú có thể nộp bản chính.

*** Thành phần hồ sơ đối với trường hợp ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 hoặc cha, mẹ của người chưa thành niên yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 cho con chưa thành niên:**

+ Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (Mẫu số 04/2013/TT-LLTP);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đang còn giá trị sử dụng của người được cấp Phiếu Lý lịch Tư pháp và Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền.

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu Sổ hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận thường trú, giấy chứng nhận tạm trú, thẻ thường trú, thẻ tạm trú của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Riêng giấy chứng nhận thường trú hoặc giấy chứng nhận tạm trú có thể nộp bản chính

+ Văn bản ủy quyền làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp phải được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn hoặc tại Phòng Tư pháp quận, huyện hoặc công chứng, chứng thực tại Tổ chức hành nghề công chứng ở trong nước hoặc cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài.

Trường hợp ủy quyền theo quy định của pháp luật nước nơi người nước ngoài là công dân hoặc thường trú thì văn bản ủy quyền phải được hợp pháp hóa lãnh sự và dịch ra Tiếng Việt. Trừ trường hợp được miễn chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước ngoài liên quan là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là cha, mẹ, vợ, chồng, con của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì không cần văn bản ủy quyền nhưng phải có giấy tờ chứng minh quan hệ cha, mẹ; vợ, chồng, con như: giấy đăng ký kết hôn, giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu.

Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 không được ủy quyền cho người khác làm thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp (trừ trường hợp cha, mẹ của người chưa thành niên yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 cho con chưa thành niên).

* Trường hợp cá nhân yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch Tư pháp thuộc đối tượng được miễn hoặc giảm lệ phí, thì phải xuất trình các giấy tờ để chứng minh như: Thẻ sinh viên, Giấy chứng nhận hộ nghèo...

* Trường hợp gửi hồ sơ yêu cầu nhận Phiếu Lý lịch Tư pháp qua dịch vụ bưu chính, thì nộp kèm theo 01 Phiếu đăng ký nhận kết quả Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính (Mẫu số 01/2014/LLTP).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

- Trường hợp hồ sơ cần xác minh nhiều nơi thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Cụ thể:

+ Người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài;

+ Người nước ngoài;

+ Trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp: Công an Thành phố, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia - Bộ Tư pháp.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Phiếu lý lịch tư pháp số 1, số 2 hoặc văn bản từ chối, có nêu rõ lý do.

h) Lệ phí:

- Mức thu lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp được quy định như sau (được cấp 02 Phiếu Lý lịch Tư pháp):

+ Lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp: 200.000 đồng/lần/người

+ Lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp đối với học sinh, sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ: 100.000 đồng/lần/người.

* Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp đề nghị cấp trên 2 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ Phiếu thứ 3 trở đi cơ quan cấp Phiếu lý lịch tư pháp được thu thêm 3.000 đồng/Phiếu.

- Những trường hợp sau đây được miễn lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp:

+ Người thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật;

+ Người cư trú tại xã đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Mẫu Tờ khai yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1, số 2 cho cá nhân (mẫu số 03/2013/TT-LLTP).

+ Mẫu Tờ khai yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân trong trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và cá nhân là cha, mẹ của người chưa thành niên yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 (mẫu số 04/2013/TT-LLTP).

+ Mẫu Phiếu đăng ký nhận kết quả Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính (Mẫu số 01/2014/LLTP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009 (có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2010).

- Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 10 tháng 01 năm 2011).

- Thông tư số 174/2011/TT-BTC ngày 02/12/2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 20 tháng 01 năm 2012).

- Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/05/2012 của Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 28 tháng 6 năm 2012).

- Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 10 tháng 8 năm 2011).

- Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ

Tư pháp về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 10 tháng 01 năm 2014).

- Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án thí điểm cấp phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến”(có hiệu lực ngày 08 tháng 01 năm 2015).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP
(Dùng cho cá nhân có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp)

Kính gửi:.....

1. Tên tôi là¹:.....
2. Tên gọi khác (nếu có): 3. Giới tính:.....
4. Ngày, tháng, năm sinh: / /
- 5. Nơi sinh²:**.....
6. Quốc tịch:..... 7. Dân tộc:
8. Nơi thường trú³:
-
-
9. Nơi tạm trú⁴:.....
-
-
10. Giấy CMND/Hộ chiếu :⁵ Số:.....
- Cấp ngày tháng..... năm Tại:
11. Họ tên cha: Ngày/tháng/năm sinh.....
12. Họ tên mẹ: Ngày/tháng/năm sinh.....
13. Họ tên vợ/chồng: Ngày/tháng/năm sinh.....
14. Số điện thoại/e-mail:

QUÁ TRÌNH CƯ TRÚ CỦA BẢN THÂN
(Tính từ khi đủ 14 tuổi)

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Nơi thường trú/ Tạm trú	Nghề nghiệp, ⁶ nơi làm việc ⁶

Phần khai về án tích, nội dung bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp⁷: Số 1 Số 2

Yêu cầu xác nhận về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản (trong trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1): Có Không

Mục đích yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp:

.....

Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp:..... Phiếu.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

.....,ngày... tháng... năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Viết bằng chữ in hoa, đủ dấu.

² Ghi rõ xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

^{3,4} Trường hợp có nơi thường trú và nơi tạm trú thì ghi cả hai nơi.

⁵ Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu.

⁶ Đối với người đã từng là quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân quốc phòng, quân nhân dự bị, dân quân tự vệ thì ghi rõ chức vụ trong thời gian phục vụ trong quân đội.

⁷ **Phiếu lý lịch tư pháp số 1** là Phiếu ghi các án tích chưa được xóa và không ghi các án tích đã được xóa; thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã chỉ ghi vào Phiếu lý lịch tư pháp số 1 khi cá nhân, cơ quan, tổ chức có yêu cầu.

Phiếu lý lịch tư pháp số 2 là Phiếu ghi đầy đủ các án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

(Dùng cho cá nhân trong trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và cá nhân là cha, mẹ của người chưa thành niên yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2)

Kính gửi:

1. Tên tôi là¹:

2. Tên gọi khác (nếu có)..... 3. Giới tính:.....

4. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... 5. Nơi sinh²:

6. Địa chỉ³:

.....Số điện thoại:.....

7. Giấy CMND/HỘ chiếu:.....⁴Số:.....

Cấp ngày..... tháng..... năm..... Tại:

8. Được sự ủy quyền :

8.1. Mối quan hệ với người ủy quyền⁵:

8.2. Theo văn bản ủy quyền ký ngày⁶..... tháng..... năm

Tôi làm Tờ khai này đề nghị cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người có tên dưới đây:

PHÂN KHAI VỀ NGƯỜI ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

1. Họ và tên⁷:

2. Tên gọi khác (nếu có):..... 3. Giới tính.....

4. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....5. Nơi sinh²:

6. Quốc tịch :

7. Dân tộc:.....

8. Nơi thường trú⁸:.....

.....

9. Nơi tạm trú⁹:.....

.....

10. Giấy CMND/Hộ chiếu¹⁰Số:

Cấp ngày..... tháng..... năm..... Tại:

11. Số điện thoại/e-mail:

**PHÂN KHAI VỀ CHA, MẸ, VỢ/ CHỒNG CỦA NGƯỜI ỦY QUYỀN HOẶC CHA,
MẸ CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN**

	CHA	MẸ	VỢ/ CHỒNG
Họ và tên			
Ngày, tháng, năm sinh			

**QUÁ TRÌNH CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI CHƯA THÀNH
NIÊN¹¹**

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Nơi thường trú/Tạm trú	Nghề nghiệp, nơi làm việc ¹²

Phân khai về án tích, về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):

.....

Yêu cầu xác nhận về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản: Có Không

Mục đích yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp:

.....

Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp:..... Phiếu

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Họ và tên người được ủy quyền hoặc của cha/mẹ người chưa thành niên; ghi bằng chữ in hoa, đủ dấu.

² Ghi rõ xã/phường, huyện/quận, tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương.

³ Ghi rõ địa chỉ để liên lạc khi cần thiết.

⁴ Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu.

⁵ Ghi rõ mối quan hệ trong trường hợp người được ủy quyền là cha, mẹ, vợ, chồng, con của người ủy quyền; trong trường hợp này không cần có văn bản ủy quyền.

⁶ Ghi rõ trong trường hợp có văn bản ủy quyền.

⁷Ghi bằng chữ in hoa, đủ dấu.

^{8,9} Trường hợp có nơi thường trú và nơi tạm trú thì ghi cả hai nơi.

¹⁰ Trường hợp là người chưa thành niên dưới 14 tuổi thì không phải ghi nội dung này.

¹¹ Kê khai quá trình cư trú, nghề nghiệp, nơi làm việc từ khi từ 14 tuổi trở lên.

¹² Đối với người đã từng là quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân quốc phòng, quân nhân dự bị, dân quân tự vệ thì ghi rõ chức vụ trong thời gian phục vụ trong quân đội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ NHẬN KẾT QUẢ
PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH

Họ và tên người nhận¹:

.....

Số điện thoại:

Email (nếu có):

Giấy CMND/Hộ chiếu²: Số:

Cấp ngày tháng năm Tại:

Địa chỉ nhận kết quả Phiếu lý lịch tư pháp³:

.....

Hình thức nhận Bảo phát. Bảo đảm.

Ngày tháng năm

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(ký, ghi rõ họ tên)

¹ Họ và tên của người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp hoặc cha, mẹ, vợ, chồng, con của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1;

² Ghi rõ là chứng minh nhân dân hay hộ chiếu;

³ Ghi rõ địa chỉ người nhận.

2. Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (gọi tắt là cơ quan, tổ chức) yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch Tư pháp số 1 gửi văn bản yêu cầu (trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) theo quy định về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy (từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút) hoặc gửi yêu cầu qua dịch vụ bưu chính hoặc đăng ký trực tuyến (Trang thông tin điện tử <https://ltptructuyen.moj.gov.vn>).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận văn bản yêu cầu, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của nội dung văn bản:

+ Trường hợp nội dung chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cơ quan, tổ chức bổ sung và hoàn thiện văn bản đề nghị.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc đăng ký cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến: Nhân viên bưu chính nhận hồ sơ của cơ quan, tổ chức và thu phí chuyển phát dịch vụ qua bưu chính. Nhân viên bưu chính chuyển giao hồ sơ kèm theo cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ và hẹn ngày nhận kết quả.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Tư pháp gửi Phiếu xác minh thông tin lý lịch tư pháp đến các cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp từ chối, thì thông báo bằng văn bản, có nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Sau khi có kết quả xác minh từ các cơ quan có thẩm quyền, Sở Tư pháp sẽ thực hiện việc tra cứu, đối chiếu thông tin lý lịch tư pháp tại cơ sở dữ liệu của Sở Tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan, tổ chức có yêu cầu.

- **Bước 5:** Căn cứ vào ngày hẹn, cơ quan, tổ chức đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Tư pháp hoặc sẽ nhận kết quả qua dịch vụ chuyển phát kết quả qua dịch vụ bưu chính.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc đăng ký trực tuyến đến Sở Tư pháp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp (theo mẫu số 05a/2013/TT-LLTP).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Trường hợp hồ sơ cần xác minh nhiều nơi thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc.

đ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp: Công an Thành phố, Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia - Bộ Tư pháp.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Phiếu lý lịch tư pháp số 1 hoặc văn bản từ chối, có nêu rõ lý do.

h) Lệ phí: Không thu lệ phí.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu văn bản yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp (mẫu số 05a/2013/TT-LLTP);

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009 (có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2010).

- Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 10 tháng 01 năm 2011).

- Thông tư số 174/2011/TT-BTC ngày 02/12/2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 20 tháng 01 năm 2012).

- Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/05/2012 của Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh,

trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 28 tháng 6 năm 2012).

- Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 10 tháng 8 năm 2011).

- Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 10 tháng 01 năm 2014).

- Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án thí điểm cấp phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến”(có hiệu lực ngày 08 tháng 01 năm 2015).

Mẫu số 05a/2013/TT- LLTP

(Mẫu văn bản yêu cầu cấp Phiếu LLTP số 1
dùng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính
trị, tổ chức chính trị xã hội)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày... tháng... năm....

Kính gửi:¹

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009,

.....² đề nghị
.....¹ cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 của người có tên dưới đây:

1. Họ và tên:
2. Tên gọi khác (nếu có): 3. Giới tính:
4. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... 5. Nơi sinh:
6. Quốc tịch: 7. Dân tộc
8. Nơi thường trú:
-
9. Nơi tạm trú:
10. Giấy CMND/Hộ chiếu..... Số:
- Cấp ngày..... tháng..... năm..... Tại:
11. Yêu cầu xác nhận về nội dung đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản: Có Không
12. Mục đích sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp:.....
13. Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp:.....Phiếu.

.....
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên

Ghi chú:

1 Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp.

2 Ghi rõ tên cơ quan, tổ chức yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

3. Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cơ quan tiến hành tố tụng gửi yêu cầu (trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) cấp Phiếu Lý lịch Tư pháp số 2 về Phòng Lý lịch Tư pháp Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh) từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy (từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

Trong trường hợp khẩn cấp, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng có thể yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 qua điện thoại, fax hoặc bằng các hình thức khác và có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

- **Bước 2:** Sở Tư pháp tiếp nhận văn bản yêu cầu, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của nội dung văn bản. Trường hợp nội dung chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cơ quan tiến hành tố tụng bổ sung và hoàn thiện văn bản đề nghị.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Tư pháp gửi Phiếu xác minh thông tin lý lịch tư pháp đến các cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp từ chối, thì thông báo bằng văn bản, có nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Sau khi có kết quả xác minh từ các cơ quan có thẩm quyền, Sở Tư pháp sẽ thực hiện việc tra cứu, đối chiếu thông tin lý lịch tư pháp tại cơ sở dữ liệu của Sở Tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan có yêu cầu.

- **Bước 5:** Căn cứ vào địa chỉ của cơ quan yêu cầu, Sở Tư pháp gửi trả kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính đến Sở Tư pháp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp (theo mẫu 05b/2013/TT-LLTP).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp hồ sơ cần xác minh nhiều nơi thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc.

- Trường hợp khẩn cấp theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan tiến hành tố tụng.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp: Công an Thành phố, Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia - Bộ Tư pháp.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Phiếu lý lịch tư pháp số 2 hoặc văn bản từ chối, có nêu rõ lý do.

h) Lệ phí: Không thu lệ phí.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu văn bản yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp (mẫu số 05b/2013/TT-LLTP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009 (có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2010).

- Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 10 tháng 01 năm 2011).

- Thông tư số 174/2011/TT-BTC ngày 02/12/2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 20 tháng 01 năm 2012).

- Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/05/2012 của Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 28 tháng 6 năm 2012).

- Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 10 tháng 8 năm 2011).

- Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp (có hiệu lực ngày 10 tháng 01 năm 2014).

Mẫu số 05b/2013/TT-LLTP
(Mẫu văn bản yêu cầu cấp Phiếu LLTP số 2 dùng cho cơ quan tiến hành tố tụng)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày... tháng... năm....

Kính gửi:¹

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009, để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử,² đề nghị¹ cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 của người có tên dưới đây:

- 1. Họ và tên:
- 2. Tên gọi khác (nếu có):..... 3. Giới tính.....
- 4. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... 5. Nơi sinh:
- 6. Quốc tịch :..... 7. Dân tộc
- 8. Nơi thường trú:
-
- 9. Nơi tạm trú:
- 10. Giấy CMND/Hộ chiếu:..... Số:
- Cấp ngày..... tháng..... năm..... Tại:
- 11. Họ và tên vợ (hoặc chồng) :
- 12. Họ và tên cha:
- 13. Họ và tên mẹ:.....

Nơi nhận:

- Như trên;

-

.....
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp.

² Ghi rõ tên cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

II. Lĩnh vực Hộ tịch

1. Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi của người nước ngoài thường trú tại Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Người nhận con nuôi nộp hồ sơ trực tiếp (hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ: số 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00) và buổi sáng thứ bảy (từ 07 giờ 30 đến 11 giờ 30).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 3:** Ngay sau nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Tư pháp lấy ý kiến của đồng ý của cha mẹ đẻ của người được nhận làm con nuôi; nếu cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không xác định được thì phải được sự đồng ý của người còn lại; nếu cả cha mẹ đẻ đều đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không xác định được thì phải được sự đồng ý của người giám hộ; trường hợp nhận trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên làm con nuôi thì còn phải được sự đồng ý của trẻ em đó.

Khi xét thấy người nhận con nuôi và người được giới thiệu làm con nuôi có đủ điều kiện theo quy định của Luật nuôi con nuôi, thì Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

- **Bước 4:** Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cho người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi. Trường hợp từ chối, thông báo bằng văn bản, có nêu rõ lý do.

- **Bước 5:** Ngay sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch, tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp với sự có mặt của đại diện Sở Tư

pháp, người được nhận làm con nuôi, cha mẹ nuôi, đại diện cơ sở nuôi dưỡng đối với trẻ em được xin nhận làm con nuôi từ cơ sở nuôi dưỡng hoặc cha mẹ đẻ, người giám hộ đối với người được xin nhận làm con nuôi từ gia đình và gửi quyết định cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người nhận con nuôi. Trường hợp người nhận con nuôi không đến nhận con nuôi mà không có lý do chính đáng thì Ủy ban nhân dân Thành phố hủy quyết định cho người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi.

Việc giao nhận con nuôi phải được lập thành biên bản, có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên và đại diện Sở Tư pháp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

*** Hồ sơ của người xin nhận con nuôi:**

+ Bản chính Đơn xin nhận con nuôi;

+ Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

+ Bản chính Phiếu lý lịch tư pháp (được cấp chưa quá 06 tháng);

+ Bản chính văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân (Bản sao nếu là Giấy chứng nhận kết hôn hoặc bản gốc nếu là Giấy xác nhận tình trạng độc thân);

+ Bản chính Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp (được cấp chưa quá 06 tháng);

+ Bản chính văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (được cấp chưa quá 06 tháng).

* Trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì không cần Giấy khám sức khỏe và Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế.

*** Hồ sơ của trẻ em được cho làm con nuôi:**

+ Bản sao Giấy khai sinh;

+ Bản sao hoặc bản chính Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;

+ 02 tấm ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Ngay sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Tư pháp lấy ý kiến của đồng ý của những cá nhân có liên quan. Khi xét thấy người nhận con nuôi và người được giới thiệu làm con nuôi có đủ điều kiện theo quy định của Luật nuôi con nuôi, thì Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cho người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi.

- Ngay sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch, tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân Thành phố.

- **Cơ quan trực tiếp giải quyết hồ sơ:** Sở Tư pháp.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài hoặc văn bản từ chối, có nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- + Đơn xin nhận con nuôi (Mẫu TP/CN-2014/CN.02);
- + Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi (TP/CN-2011/CN.06).

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nước nơi người đó thường trú và các điều kiện sau:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

+ Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên (không áp dụng đối với trường hợp cha đẻng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi);

+ Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi (không áp dụng đối với trường hợp cha đẻng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi);

+ Có tư cách đạo đức tốt.

- Những người sau đây không được nhận con nuôi:

+ Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;

+ Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;

+ Đang chấp hành hình phạt tù;

+ Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

- Người được nhận làm con nuôi:

+ Trẻ em dưới 16 tuổi.

+ Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu được cha đẻng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi.

+ Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nuôi con nuôi năm 2010 (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2011);
- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi (có hiệu lực kể từ ngày 08/5/2011);
- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi (có hiệu lực kể từ ngày 15/8/2011);
- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014 Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi (có hiệu lực kể từ ngày 11/02/2015).

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6cm

Ảnh 4 x 6 cm

ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI
(Dùng cho trường hợp nuôi con nuôi trong nước)

Kính gửi:⁴

Chúng tôi/tôi là:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Nơi sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Nơi cấp		
Ngày, tháng, năm cấp		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại/fax/email		

Có nguyện vọng nhận trẻ em dưới đây làm con nuôi:

Họ và tên:..... Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

⁴ Trường hợp người nhận con nuôi thường trú trong nước, thì gửi UBND xã/ phường/thị trấn nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam, nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi.

Dân tộc: Quốc tịch:

Tình trạng sức khoẻ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi đang cư trú:

Gia đình:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại, /fax/ email		
Quan hệ với trẻ em được nhận làm con nuôi		

Cơ sở nuôi dưỡng⁵:

Lý do nhận con nuôi:

Nếu được nhận trẻ em làm con nuôi, chúng tôi/tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/tôi cam kết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi thông báo về tình trạng phát triển mọi mặt của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho.....⁶
nơi chúng tôi/tôi thường trú.

Đề nghị⁷ xem xét, giải quyết.

....., ngày tháng năm.....

ÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÀ

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁵ Ghi rõ tên và địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng.

⁶ Ghi tên UBND xã/phường/thị trấn hoặc Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

⁷ Như kính gửi.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

PHẦN TỰ KHAI CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

1. Ông:

Họ và tên: Ngày sinh:
 Nơi sinh:
 Số Giấy CMND: Nơi cấp: Ngày cấp
 Nghề nghiệp:
 Nơi thường trú:
 Tình trạng hôn nhân⁸:

2. Bà:

Họ và tên: Ngày sinh:
 Nơi sinh:
 Số Giấy CMND: Nơi cấp: Ngày cấp
 Nghề nghiệp:
 Nơi thường trú:
 Tình trạng hôn nhân⁹:

3. Hoàn cảnh gia đình¹⁰:

.....

4. Hoàn cảnh kinh tế:

- Nhà ở:

 - Mức thu nhập:

⁸ Khai rõ đây là lần kết hôn thứ mấy của người nhận con nuôi, tình trạng con cái.

⁹ Khai như chủ thích 1.

¹⁰ Khai rõ hiện nay người nhận con nuôi đang sống cùng với ai; thái độ của những người trong gia đình về việc nhận con nuôi.

.....
.....
- Các tài sản khác:

Ông
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
Bà
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi:

.....
.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Tổ trưởng dân phố/Trưởng thôn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác minh của công chức tư pháp - hộ tịch¹¹:

.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người xác minh
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND xã/phường/thị trấn

....., ngày..... tháng..... năm.....

TM. UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

¹¹ Ý kiến của cán bộ xác minh về các nội dung mà người nhận con nuôi tự khai ở trên. Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi.

2. Thủ tục Đăng ký lại việc nhận nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Người có yêu cầu Đăng ký lại việc nhận nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp, nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây (địa chỉ: số 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00) và buổi sáng thứ bảy (từ 07 giờ 30 đến 11 giờ 30).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 3:** Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố ký Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài để cấp cho người yêu cầu đăng ký lại.

- **Bước 4:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân Thành phố ký Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài để cấp cho người yêu cầu đăng ký lại. Trường hợp từ chối, thì thông báo bằng văn bản, có nêu rõ lý do.

- **Bước 5:** Căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Tư pháp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi.

+ Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Sở Tư pháp không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi đó, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân Thành phố ký Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài để cấp cho người yêu cầu đăng ký lại.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân Thành phố.

- **Cơ quan trực tiếp giải quyết hồ sơ:** Sở Tư pháp.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (TP/CN-2011/CN.04).

i) Phí, lệ phí: Miễn lệ phí.

k) Đối tượng áp dụng, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam, nhưng cả Sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được;

- Cả cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nuôi con nuôi năm 2010 (có hiệu lực ngày 01/01/2011);

- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi (có hiệu lực kể từ ngày 08/5/2011);

- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi (có hiệu lực kể từ ngày 15/8/2011);

- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014 Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm

2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi (có hiệu lực kể từ ngày 11/02/2015).

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI

Kính gửi:¹²

Chúng tôi /tôi là:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Nơi sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Nơi cấp		
Ngày, tháng, năm cấp		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại/fax/email		

Đã nhận người có tên dưới đây làm con nuôi:

Họ và tên:Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Dân tộc:Quốc tịch:

Nơi thường trú:

Phản khai về bên giao con nuôi trước đây¹³:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Nơi sinh		
Dân tộc		

¹² Trường hợp nuôi con nuôi trong nước, thì gửi UBND xã/ phường/thị trấn nơi có thẩm quyền đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, thì gửi Sở Tư pháp, nơi có thẩm quyền đăng ký lại việc nuôi con nuôi.

¹³ Nếu có được các thông tin này.

Quốc tịch		
Nơi thường trú/tạm trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Nơi cấp		
Ngày, tháng, năm cấp		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại/fax/email		

Quan hệ với trẻ được nhận làm con nuôi ¹⁴:

Tên cơ sở nuôi dưỡng:

Chức vụ của người đại diện cơ sở nuôi dưỡng:

Việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại:

..... ngày.....tháng.....năm.....

Chúng tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị..... đăng ký.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Người làm chứng thứ nhất⁴

Tôi tên là.....sinh năm ...

Số CMND....., cư trú tại.....

.....

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về việc làm chứng của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Người làm chứng thứ hai

Tôi tên là.....sinh năm

.....

Số CMND....., cư trú tại.....

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về việc làm chứng của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

³ Ghi rõ là cha, mẹ đẻ; người giám hộ hay cơ sở nuôi dưỡng. Nếu là cơ sở nuôi dưỡng thì ghi rõ tên cơ sở nuôi dưỡng, chức vụ của người đại diện cơ sở nuôi dưỡng.

⁴ Không cần có xác nhận của người làm chứng nếu đăng ký lại việc nuôi con nuôi tại UBND cấp xã/STP nơi đã đăng ký việc NCN trước

III. Lĩnh vực Quốc tịch

1. Thủ tục Nhập quốc tịch Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Người có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (địa chỉ số 141-143 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy (từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 3:** Sở Tư pháp thẩm tra và chuyển hồ sơ xác minh

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Công an Thành phố xác minh về nhân thân của người có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam.

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Công an Thành phố xác minh và gửi kết quả về Sở Tư pháp.

Trong thời gian này, Sở Tư pháp tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ đề nghị nhập quốc tịch Việt Nam.

+ Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả thẩm tra của Công an Thành phố, Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, kết luận và đề nghị gửi Bộ Tư pháp.

- **Bước 4:** Bộ Tư pháp và Văn phòng Chủ tịch nước tiếp nhận hồ sơ giải quyết

+ Đối với người có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam không thuộc trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài:

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì gửi văn bản thông báo cho người có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài của người có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

+ Đối với người có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam thuộc trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài hoặc người không quốc tịch.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy có đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cho nhập quốc tịch Việt Nam hoặc không được Chủ tịch nước đồng ý cho nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp có thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp để thông báo cho người nộp hồ sơ nhập quốc tịch Việt Nam.

- Bước 5: Bộ Tư pháp thông báo kết quả giải quyết

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định của Chủ tịch nước cho nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp gửi cho người được nhập quốc tịch Việt Nam bản sao Quyết định, kèm theo bản trích sao danh sách.

+ Gửi Sở Tư pháp theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch.

- Bước 6: Người đề nghị căn cứ ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Tư pháp như sau:

+ Lần 1: Nhận thông tin hồ sơ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, kết luận và đề nghị gửi Bộ Tư pháp.

+ Lần 2: Nhận thông báo để làm thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài (Đối với người có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam không thuộc trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài).

+ Lần 3: Nhận thông tin cho nhập quốc tịch Việt Nam hoặc không đủ điều kiện cho nhập quốc tịch Việt Nam hoặc không được Chủ tịch nước đồng ý cho nhập quốc tịch Việt Nam.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp.
- Nhận thông tin về hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thư điện tử.
- Nhận kết quả qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam;

+ Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế Giấy khai sinh, Hộ chiếu của người xin nhập quốc tịch Việt Nam là giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch nước ngoài của người đó; Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ cha hoặc mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà người con chưa thành niên sinh sống cùng người nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc theo mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc nhập quốc tịch Việt Nam cho con;

+ Bản khai lý lịch;

+ Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

+ Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt của người xin nhập quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ: Bản sao bằng tốt nghiệp sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ chứng nhận trình độ tiếng Việt do cơ sở đào tạo tiếng Việt của Việt Nam;

Trường hợp người nộp hồ sơ nhập quốc tịch Việt Nam khai báo biết tiếng Việt

đủ để hoà nhập theo quy định nhưng không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt, thì Sở Tư pháp tổ chức phỏng vấn trực tiếp đánh để giá. Kết quả trực tiếp phỏng vấn được lập thành văn bản.

+ Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam: Bản sao Thẻ thường trú;

+ Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam (gồm một trong số các giấy tờ: Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy xác nhận mức lương hoặc thu nhập do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc cấp; giấy xác nhận của cơ quan thuế về thu nhập chịu thuế; giấy tờ chứng minh được sự bảo lãnh của tổ chức cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn nơi thường trú của người xin nhập quốc tịch Việt Nam về khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam của người đó).

* Trường hợp Người xin nhập quốc tịch Việt Nam được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam, thì phải nộp một số giấy tờ chứng minh điều kiện được miễn:

- Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam phải nộp bản sao giấy chứng nhận kết hôn chứng minh quan hệ hôn nhân.

- Người là cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam phải nộp bản sao giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con.

- Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải nộp bản sao Huân chương, Huy chương, giấy chứng nhận danh hiệu cao quý khác hoặc giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam.

- Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải nộp giấy chứng nhận của cơ quan tổ chức nơi người đó làm việc, được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận về việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ sẽ đóng góp cho sự phát triển của một trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao.

* Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong các hồ sơ phải được dịch sang tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Công an Thành phố xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Công an Thành phố xác minh và gửi kết quả về Sở Tư pháp.

- Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả thẩm tra của Công an Thành phố, Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, kết luận và đề nghị gửi Bộ Tư pháp.

- Đối với người có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam không thuộc trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài:

+ Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì gửi văn bản thông báo cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Đối với người có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam thuộc trường hợp được giữ quốc tịch nước ngoài hoặc người không quốc tịch.

+ Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy có đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

+ Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cho nhập quốc tịch Việt Nam hoặc không được Chủ tịch nước đồng ý cho nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp có thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp để thông báo cho người nộp hồ sơ nhập quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định của Chủ tịch nước cho nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp gửi cho người được nhập quốc tịch Việt Nam bản sao Quyết định, kèm theo bản trích sao danh sách.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Tư pháp, Chính phủ, Chủ tịch nước.

- **Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

- **Cơ quan phối hợp thực hiện thủ tục hành chính:** Công an Thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản từ chối, có nêu rõ lý do.

h) Lệ phí: 3.000.000 đồng/trường hợp.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2010- ĐXNQT.1 kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010).

- Tờ khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2010-TKLL kèm theo Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Công dân nước ngoài và người không quốc tịch đang thường trú ở Việt Nam có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện sau đây:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;

+ Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam;

+ Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam;

+ Đã thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam;

+ Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.

- Người có nguyện vọng nhập quốc tịch Việt Nam có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải có các điều kiện (Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng

đồng Việt Nam; đã thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam; có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam), nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

+ Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam;

+ Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;

+ Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Người nhập quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài (trừ những người là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam; có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), trong trường hợp đặc biệt, nếu được Chủ tịch nước cho phép.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên gọi Việt Nam. Tên gọi này do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009);

- Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 10/11/2009);

- Thông tư số 146/2009/TT-BTC ngày 20/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí giải quyết các việc liên quan đến quốc tịch (có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 9 năm 2009);

- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2010);

- Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BCA-BNG của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung Điều 13

của Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 3 năm 2013);

- Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch (có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 5 năm 2010).

Ảnh 4 x 6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên (1):

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): Số:

Cấp ngày, tháng, năm:

Cơ quan cấp:

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

Địa chỉ cư trú trước khi nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):

Địa chỉ thường trú tại Việt Nam:

Thẻ thường trú số:, cấp ngày, tháng, năm:

Cơ quan cấp:, cấp lần thứ

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

.....

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam của tôi thuộc diện được miễn một số điều kiện (6):

.....

Tôi xin lấy tên gọi Việt Nam là :

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin thề trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có):

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Tên gọi Việt Nam

Về quốc tịch hiện nay (7):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có): <input type="checkbox"/>	Tôi tự xét thấy mình và con chưa thành niên nêu trên (nếu có) thuộc trường hợp đặc biệt: <input type="checkbox"/>
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép được nhập quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm

	<p>cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
--	--

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

.....

.....

....., ngày.. ... tháng năm.....

-

Người làm đơn

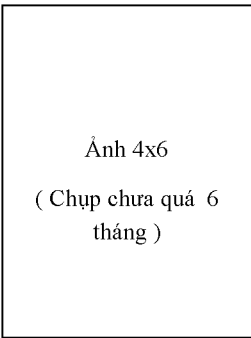
-

(Ký và ghi rõ họ tên)

-

Chú thích:

- (1) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
- (2) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
- (3) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
- (4) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
- (5) *Ghi rõ loại giấy tờ gì;*
- (6) *Nêu rõ trường hợp được miễn theo quy định nào của Luật Quốc tịch Việt Nam;*
- (7) *Đánh dấu 'X' vào 1 trong 2 lựa chọn.*



CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ và tên (1):.....

Giới tính : Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): **Số:**

Cấp ngày, tháng, năm:....., **Cơ quan cấp**.....

Địa chỉ cư trú hiện nay:

.....

Nghề nghiệp

Nơi làm việc :

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH

Họ và tên cha :

Ngày, tháng, năm sinh :

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên mẹ :

Ngày, tháng, năm sinh :

Quốc tịch

Địa chỉ cư trú :

Họ và tên vợ /chồng :

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh

Quốc tịch :

Địa chỉ cư trú :

Họ và tên con thứ nhất:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ hai:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (8) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
- (9) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
- (10) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
- (11) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch
- (12) Ghi rõ loại giấy tờ gì.

(Xem tiếp Công báo số 30)